

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng năm 2024 về việc quy định danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định; Báo cáo thẩm định số /BC-STP ngày tháng năm 2024 của Sở Tư pháp.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định như sau:

### 1. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị); các doanh nghiệp được nhà nước giao tài sản cố định để quản lý không tính thành phần vốn nhà nước (gọi chung là doanh nghiệp) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định.

2. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định: Chi tiết tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo.

3. Danh mục tài sản cố định đặc thù: Chi tiết tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .../.../2024, bãi bỏ Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 7/5/2020, Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 14/2/2023.

### **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các Doanh nghiệp được Nhà nước giao tài sản cố định để quản lý không tính thành phần vốn nhà nước và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTrVBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công báo tỉnh, Website tỉnh;
- Lưu: VP1, VP6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Đình Nghị**

**Phụ lục số 01**  
**DANH MỤC, THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN VÀ TỶ LỆ HAO MÒN**  
**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

(Kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Nam Định)

STT	DANH MỤC	THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN (năm)	TỶ LỆ HAO MÒN (%/năm)
<b>Loại 1</b>	<b>Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả</b>		
1	Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học	25	4
2	Chương trình máy tính	5	20
3	Dữ liệu sưu tập	25	4
4	Quyền tác giả khác	25	4
<b>Loại 2</b>	<b>Quyền sở hữu công nghiệp</b>		
1	Bằng phát minh, sáng chế	25	4
2	Bản quyền phần mềm máy tính	25	4
3	Bằng độc quyền giải pháp hữu ích	25	4
4	Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp	25	4
5	Giấy đăng ký nhãn hiệu	25	4
6	Giấy đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	25	4
7	Loại khác	25	4
<b>Loại 3</b>	<b>Quyền đối với giống cây trồng</b>		
1	Quyền đối với giống cây lúa	5	20
2	Quyền đối với giống cây khác	5	20
<b>Loại 4</b>	<b>Phần mềm ứng dụng</b>		
1	Nhóm Phần mềm hệ thống	5	20

<b>STT</b>	<b>DANH MỤC</b>	<b>THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN (năm)</b>	<b>TỶ LỆ HAO MÒN (%/năm)</b>
2	Nhóm phần mềm ứng dụng	5	20
3	Nhóm phần mềm công cụ	5	20
4	Nhóm phần mềm tiện ích	5	20
5	Các phần mềm khác	5	20
<b>Loại 5</b>	<b>Tài sản cố định vô hình khác (trừ quyền sử dụng đất)</b>	5	20

*Ghi chú:* Danh mục Phần mềm ứng dụng (Loại 4) nêu trên căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BTTTT ngày 3/12/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 8/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông ban hành danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử./.

Phụ lục số 02

**DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ**

(Kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Nam Định)

STT	DANH MỤC
<b>Loại 1</b>	<b>Cổ vật, hiện vật trưng bày</b>
1	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu kim loại
2	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu nhựa
3	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu thủy tinh
4	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu gỗ, tre
5	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu vải
6	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu giấy
7	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu phim ảnh
8	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu đồ da
9	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu xương
10	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu gốm, sành, sứ
11	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu đất, đá
12	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu khác
<b>Loại 2</b>	<b>Di tích lịch sử được xếp hạng</b>
<b>Loại 3</b>	<b>Thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập</b>